

**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**  
(Kèm theo giấy rút dự toán số 51+52+53 ngày 02 tháng 6 năm 2021 )  
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**  
2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

**I. Nội dung đề nghị thanh toán:**

| STT     | Họ và tên                     | Tài khoản ngân hàng      |               | Tổng số     | Trong đó:                  |                                         |                         |                                                |                              |                          |                                                              |                     |                                  |                                       |            | Tiền học bổng | Ghi chú |
|---------|-------------------------------|--------------------------|---------------|-------------|----------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|---------------------------------------|------------|---------------|---------|
|         |                               | Số tài khoản người hưởng | Tên ngân hàng |             | Lương và phụ cấp theo bảng | Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng theo QĐ : 3528/UBND ngày 24/9/2020 | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác |                          |                                                              |                     |                                  |                                       | Tiền khoán |               |         |
|         |                               |                          |               |             |                            |                                         |                         |                                                | Phụ cấp ưu đãi               | PC hỗ trợ mầm non 25-35% | Chính sách thu hút GVNS (theo nghị quyết số 64/2017/QĐ-HĐND) | Phụ cấp trách nhiệm | Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường | Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách |            |               |         |
| 1       | 2                             | 3                        |               | 4           | 5                          | 6                                       | 7                       | 8                                              | 9.1                          | 9.2                      | 9.3                                                          | 9.4                 | 9.5                              | 9.6                                   | 10         | 11            | 12      |
| Tổng số |                               |                          |               | 251.115.166 | 164.531.790                | 9.374.856                               | -                       | -                                              | 53.860.520                   | -                        | 22.050.000                                                   | 298.000             | -                                | -                                     | 1.000.000  | -             |         |
| I       | Đối với công chức, viên chức: |                          |               | 241.740.310 | 164.531.790                | -                                       | -                       | -                                              | 53.860.520                   | -                        | 22.050.000                                                   | 298.000             | -                                | -                                     | 1.000.000  |               |         |
| 1       | Trần Thị Kiều Nhung           | 0102638288               | NH Đông Á     | 10.355.437  | 7.841.807                  |                                         |                         |                                                | 2.513.630                    |                          | -                                                            |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 2       | Nguyễn Thị Sánh               | 0102648657               | NH Đông Á     | 10.942.187  | 8.334.687                  |                                         |                         |                                                | 2.607.500                    |                          | -                                                            |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 3       | Nguyễn Thị Giang Thanh        | 0101386717               | NH Đông Á     | 8.401.306   | 6.310.091                  |                                         |                         |                                                | 2.091.215                    |                          | -                                                            |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 4       | Phạm Thị Hồng Vân             | 0101386707               | NH Đông Á     | 11.599.186  | 8.102.116                  |                                         |                         |                                                | 2.597.070                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 5       | Hoàng Thị Thanh Bút           | 0107817636               | NH Đông Á     | 9.566.671   | 6.481.586                  |                                         |                         |                                                | 2.185.085                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 6       | Ngô Hoàng Uyên Mi             | 0107817627               | NH Đông Á     | 8.275.178   | 5.466.488                  |                                         |                         |                                                | 1.908.690                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 7       | Dương Thị Ngọc                | 0107817621               | NH Đông Á     | 8.107.366   | 5.366.471                  |                                         |                         |                                                | 1.840.895                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 8       | Trần Thị Lệ Xuân              | 0101980518               | NH Đông Á     | 8.013.218   | 5.272.323                  |                                         |                         |                                                | 1.840.895                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 9       | Nguyễn Thị Ngọc Thu           | 0107817785               | NH Đông Á     | 7.610.203   | 4.973.608                  |                                         |                         |                                                | 1.736.595                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 10      | Đoàn Hoài Nam                 | 0108660736               | NH Đông Á     | 6.031.013   | 3.738.608                  |                                         |                         |                                                | 1.392.405                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 11      | Lê Thủy Anh Đào               | 0109963794               | NH Đông Á     | 8.051.051   | 5.597.576                  |                                         |                         |                                                | 1.903.475                    |                          | 550.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 12      | Đàm Thị Ngọc Loan             | 0101198837               | NH Đông Á     | 7.674.894   | 5.033.084                  |                                         |                         |                                                | 1.741.810                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 13      | Phan Thị Kim Loan             | 0107817769               | NH Đông Á     | 7.280.354   | 4.988.544                  |                                         |                         |                                                | 1.741.810                    |                          | 550.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 14      | Phạm Thị Nguyễn Thủy          | 0109940965               | NH Đông Á     | 6.736.493   | 4.606.348                  |                                         |                         |                                                | 1.580.145                    |                          | 550.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 15      | Nguyễn Thị Châu Thanh         | 0107817652               | NH Đông Á     | 7.580.990   | 4.996.545                  |                                         |                         |                                                | 1.684.445                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 16      | Nguyễn Thị Thu Thủy           | 0107817761               | NH Đông Á     | 6.924.866   | 4.444.721                  |                                         |                         |                                                | 1.580.145                    |                          | 900.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 17      | Trần Thị Bích Trâm            | 0102552460               | NH Đông Á     | 6.534.461   | 4.404.316                  |                                         |                         |                                                | 1.580.145                    |                          | 550.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |
| 18      | Trần Thị Kiều                 | 0107817788               | NH Đông Á     | 6.574.866   | 4.444.721                  |                                         |                         |                                                | 1.580.145                    |                          | 550.000                                                      |                     |                                  |                                       |            |               |         |

| Trong đó: |                                                         |                          |               |           |                             |                                         |                         |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
|-----------|---------------------------------------------------------|--------------------------|---------------|-----------|-----------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|------------|---------------|---------|
| STT       | Họ và tên                                               | Tài khoản ngân hàng      |               | Tổng số   | Lương và phụ cấp theo lương | Tiền công lao động thường xuyên theo HD | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng theo QĐ : 3528/TBND ngày 24/9/2020 | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             | Tiền khoản | Tiền học bổng | Ghi chú |
|           |                                                         | Số tài khoản người hưởng | Tên ngân hàng |           |                             |                                         |                         |                                                | Phụ cấp ưu đãi               | PC hỗ trợ mầm non 25-35% | Chính sách thu hút GVNN theo nghị quyết số 04/2017/QĐ-HBND | Phụ cấp trích nhiệm | Chi lương đời I cho NV HD trường | Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách | Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi |            |               |         |
| 19        | Nguyễn Thị Hộ                                           | 0107817287               | NH Đông Á     | 5.885.917 | 3.917.437                   |                                         |                         |                                                | 1.418.480                    |                          | 550.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 20        | Nguyễn Thị Thùy Trang                                   | 0107817774               | NH Đông Á     | 6.829.990 | 5.129.900                   |                                         |                         |                                                | 1.700.090                    |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 21        | Lê Thị Thu Dung                                         | 0103295125               | NH Đông Á     | 6.272.189 | 3.953.709                   |                                         |                         |                                                | 1.418.480                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 22        | Sư Thị Ngọc Châu                                        | 0107817285               | NH Đông Á     | 6.272.189 | 3.953.709                   |                                         |                         |                                                | 1.418.480                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 23        | Phạm Kim Hiền                                           | 0108655242               | NH Đông Á     | 5.563.502 | 3.406.687                   |                                         |                         |                                                | 1.256.815                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 24        | Nguyễn Thị Hồng Tâm                                     | 0108259456               | NH Đông Á     | 6.385.574 | 5.587.574                   |                                         |                         |                                                | -                            |                          |                                                            | 298.000             |                                  |                                       | 500.000                                     |            |               |         |
| 25        | Trần Thị Hà                                             | 0109438625               | NH Đông Á     | 5.020.670 | 3.213.855                   |                                         |                         |                                                | 1.256.815                    |                          | 550.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 26        | Võ Thị Mỹ Linh                                          | 0109943289               | NH Đông Á     | 5.020.670 | 3.213.855                   |                                         |                         |                                                | 1.256.815                    |                          | 550.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 27        | Trần Thị Thanh Thảo                                     | 0109953669               | NH Đông Á     | 5.020.670 | 3.213.855                   |                                         |                         |                                                | 1.256.815                    |                          | 550.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 28        | Đào Vũ Uyên Duy                                         | 0110862343               | NH Đông Á     | 8.401.051 | 5.597.576                   |                                         |                         |                                                | 1.903.475                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 29        | Hoàng Thị Bạch Ly                                       | 0102593937               | NH Đông Á     | 8.275.178 | 5.466.488                   |                                         |                         |                                                | 1.908.690                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 30        | Nguyễn Thị Mỹ Hiền                                      | 0104882302               | NH Đông Á     | 7.521.388 | 4.884.793                   |                                         |                         |                                                | 1.736.595                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 31        | Nguyễn Song Hà Ny                                       | 0110899069               | NH Đông Á     | 4.721.403 | 2.747.113                   |                                         |                         |                                                | 1.074.290                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 32        | Nguyễn Thị Bích Ngọc                                    | 0110899902               | NH Đông Á     | 4.721.403 | 2.747.113                   |                                         |                         |                                                | 1.074.290                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 33        | Nguyễn Thị Minh Thư                                     | 0110891260               | NH Đông Á     | 4.721.403 | 2.747.113                   |                                         |                         |                                                | 1.074.290                    |                          | 900.000                                                    |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 34        | Nguyễn Kim Quỳnh Như                                    | 0101386776               | NH Đông Á     | 4.847.373 | 4.347.373                   |                                         |                         |                                                | -                            |                          |                                                            |                     |                                  |                                       | 500.000                                     |            |               |         |
| II        | Đổi với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) |                          |               | 9.374.856 | -                           |                                         | 9.374.856               | -                                              | -                            | -                        | -                                                          | -                   | -                                | -                                     | -                                           | -          | -             |         |
| 1         | Phạm Thanh Phú                                          | 0102382400               | NH Đông Á     | 1.800.292 |                             |                                         | 1.800.292               |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 2         | Nguyễn Dương                                            | 0108802675               | NH Đông Á     | 1.733.615 |                             |                                         | 1.733.615               |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 3         | Bùi Diễm Tú Minh                                        | 0101631076               | NH Đông Á     | 2.053.667 |                             |                                         | 2.053.667               |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 4         | Ôn Thị Thanh Thanh                                      | 0102382400               | NH Đông Á     | 2.053.667 |                             |                                         | 2.053.667               |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 5         | Mai Thị Nguyệt                                          | 0101631076               | NH Đông Á     | 1.733.615 |                             |                                         | 1.733.615               |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| III       | Đổi với lao động thường xuyên theo hợp đồng             |                          |               | -         | -                           |                                         | -                       | -                                              | -                            | -                        | -                                                          | -                   | -                                | -                                     | -                                           | -          | -             |         |
| 1         | Nguyễn Thị Hồng Gấm                                     | 0108209444               | NH Đông Á     | -         |                             |                                         |                         |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 2         | Lê Thị Yến Trinh                                        | 0103641702               | NH Đông Á     | -         |                             |                                         |                         |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |
| 3         | Ngô Thị Cẩm Linh                                        | 0108802675               | NH Đông Á     | -         |                             |                                         |                         |                                                |                              |                          |                                                            |                     |                                  |                                       |                                             |            |               |         |

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi một triệu một trăm mười lăm ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước:

| STT | Họ và tên | Tài khoản ngân hàng      |               | Tổng số | Trong đó:                   |                |                          |                                                            |                       |                                  |                                       |                                             |  |            | Tiền học bổng | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------------------|---------------|---------|-----------------------------|----------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|--|------------|---------------|---------|
|     |           | Số tài khoản người hưởng | Tên ngân hàng |         | Lương và phụ cấp theo lương |                | Tiền công lương          | Tiền thu nhập tăng thêm                                    | Tiền thưởng theo QĐ : | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác     |                                       |                                             |  | Tiền khoán |               |         |
|     |           |                          |               |         | Phụ cấp ưu đãi              | Phụ cấp ưu đãi | PC hỗ trợ mầm non 25-35% | Chính sách thu hút GVMT theo nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND | Phụ cấp trách nhiệm   | Chi lương đợt 1 cho NV HD trường | Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách | Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi |  |            |               |         |

Ngày 2 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG MẦM NON

Trần Thị Kiều Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Người lập

Nguyễn Thị Hồng Tâm

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày: ... tháng ... năm ...

Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

